TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/KDTM – ST
Ngày: 05-03-2018
V/v : "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Diệu Hoa
2. Ông Phạm Văn Huấn

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Hương Giang

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Hồng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T - Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 70/2017/TLST-KDTM ngày 11/10/2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST ngày 24 tháng 01 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 02 năm 2018 giữa:

***Nguyên đơn*:** Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: 266-268 N, Phường 8, Quận 3, TP. H.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1983

(Văn bản ủy quyền số:141A/2017/UQ-QĐ ngày 30/6/2017)

Bị đơn: Ông Hồ Văn T, sinh năm 1960 (có mặt)

Bà Lê Thị D, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: 113 D, phường T, quận T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Hồ Văn Minh N, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: 113 D, phường T, quận T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/6/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có bà Nguyễn Thị Kim O là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng TMCP S- Chi nhánh 8 tháng 3 – PGD P cho ông Hồ Văn T và bà Lê Thị D vay vốn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1618700127 ngày 05/7/2016.

- Hạn mức tín dụng: 3.500.000.000 đồng

- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh
- Thời hạn vay 06 tháng
- Lãi suất cho vay : 9,5%/năm
- Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho hợp đồng trên, ông Hồ Văn T và bà Lê Thị D đã thế chấp nhà và đất tại số 113 D, phường T, quận T, TPH theo giấy chứng nhận số CH00350 do UBND quận T cấp ngày 28/11/2012 cho ông Hồ Văn T và bà Lê Thị D.

Tính đến ngày 05/3/2018 ông Hồ Văn T và bà Lê Thị D còn nợ Ngân hàng TMCP S- Chi nhánh 8 tháng 3 – PGD P số tiền là 3.987.729.286 đồng, bao gồm nợ gốc : 3.468.700.000 đồng, lãi 519.029.286 đồng

Nay Ngân hàng TMCP S- Chi nhánh 8 tháng 3 – PGD P yêu cầu ông Hồ Văn T và bà Lê Thị D trả số tiền 3.987.729.286 đồng, bao gồm nợ gốc : 3.468.700.000 đồng, lãi 519.029.286 đồng. Thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ từ ngày 06/03/2018 ông T, bà D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận sẽ trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1618700127 ký ngày 05/7/2016 giữa ông T, bà D và Ngân hàng TMCP S cho đến khi ông T và bà D thanh toán xong số nợ gốc trên cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Hồ Văn T và bà Lê Thị D không trả tiền thì phát mãi tài sản thế chấp là nhà và đất tại số 113 Diệp Minh Châu, phường Tân Sơn Nhì, quận T, TPH theo giấy chứng nhận số CH00350 do UBND quận T cấp ngày 28/11/2012 cho ông Hồ Văn T và bà Lê Thị D để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai ngày 02/11/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Hồ Văn T trình bày:

Ông thừa nhận ông và bà D có ký hợp đồng vay tiền của Ngân hàng TMCP S- Chi nhánh 8 tháng 3 – PGD P nhằm mục đích khinh doanh như đại diện Ngân hàng vừa trình bày. Nay ông đồng ý số nợ Ngân hàng là 3.987.729.286 đồng, bao gồm nợ gốc : 3.468.700.000 đồng, lãi 519.029.286 đồng. Hiện ông và bà D không có khả năng thanh toán cho Ngân hàng nên ông đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ Ngân hàng.

Hiện nay tại nhà số 113 D, phường T, quận T có ông T và Hồ Văn Minh N (con trai ông T) sống, không cho ai thuê mướn.

Bị đơn bà Lê Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Văn Minh N đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà D và ông N theo luật định.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án

cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

1. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về Hợp đồng tín dụng. Do bị đơn đang cư trú tại phường T, quận T nên Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết là đúng qui định và trong thời hạn khởi kiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bị đơn bà Lê Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Văn Minh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà D và ông N theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. ***Về yêu cầu của nguyên đơn :***

Xét yêu cầu chấm dứt việc tiếp tục thực hiện Hợp đồng tín dụng ký ngày 05/7/2016 giữa ông T, bà D và Ngân hàng TMCP S thì yêu cầu này không trái với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc : 3.468.700.000 đồng, lãi 519.029.286 đồng.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng ký ngày 05/7/2016 giữa ông T, bà D và Ngân hàng TMCP S và xác nhận của bị đơn thì có cơ sở xác định ông T, bà D còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc: 3.468.700.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày 05/3/2018 là 519.029.286 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì tổ chức tín dụng và khách hàng quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng tín dụng trên như đại diện Ngân hàng TMCP S đã trình bày. Vì vậy, nay đại diện Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông T, bà D thanh toán nợ gốc: 3.468.700.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày 05/3/2018 là 519.029.286 đồng. Lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 06/3/2018 theo Hợp đồng tín dụng của Ngân hàng là có căn cứ và phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 11, khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng nhà nước. Do vậy nguyên đơn yêu cầu ông T, bà D thanh toán tiền nợ gốc là có đủ cơ sở nên chấp nhận.

Về yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp: Nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp bị đơn không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp là nhà và đất tại số 113 D, phường T, quận T, TPH theo giấy chứng nhận số CH00350 do UBND quận T cấp ngày 28/11/2012 cho ông Hồ Văn T và bà Lê Thị D để thu hồi

nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy, tài sản thế chấp trên có lập hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký đảm bảo theo qui định nên phát sinh hiệu lực. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi số tiền nợ còn thiếu là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với Điều 323, Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015 và được thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp tài sản khi bị đơn vay vốn tại ngân hàng.

Khi ngân hàng có yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp trên, buộc những người hiện đang ở căn nhà trên có trách nhiệm giao nhà để cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo qui định pháp luật

Về thời hạn thanh toán: Xét thấy do ông T, bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được qui định trong hợp đồng tín dụng nên nguyên đơn yêu cầu chấm dứt việc tiếp tục thực hiện hợp đồng và yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để chấp nhận.

3. Về án phí: theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, ông T, bà D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 111.754.586 đồng.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 54.742.030 đồng cho Ngân hàng TMCP S theo phiếu thu số 0009913 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi Hành án dân sự quận T.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng :

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 5 Điều 177; Điều 184; Điều 208; khoản 2 Điều 220; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 323, 299 Bộ luật Dân sự;
- Điều 56 Luật, Khoản 2 Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010;
- khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Chấm dứt việc tiếp tục thực hiện hiện Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1618700127 ký ngày 05/7/2016 giữa ông T, bà D và Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Hồ Văn T và bà Lê Thị D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số nợ của Hợp đồng tín dụng ký ngày 05/7/2016 giữa ông T, bà D và Ngân hàng TMCP S là 3.987.729.286 đồng, bao gồm nợ gốc : 3.468.700.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày 05/3/2018 là 519.029.286 đồng.

Kể từ từ ngày 06/03/2018 ông T, bà D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận sẽ trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1618700127 ký ngày 05/7/2016 giữa ông T,

bà D và Ngân hàng TMCP S cho đến khi ông T và bà D thanh toán xong số nợ gốc trên cho Ngân hàng.

- Phương thức và thời hạn thanh toán: trả một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngay sau khi ông Hồ Văn T và bà Lê Thị D thanh toán xong các khoản tiền nợ gốc và tiền lãi của hợp đồng tín dụng trên thì Ngân hàng TMCP S có trách nhiệm làm thủ tục xóa thế chấp tài sản thế chấp là nhà và đất tại số 113 D, phường T, quận T, TPH theo giấy chứng nhận số CH00350 do UBND quận T cấp ngày 28/11/2012 cho ông Hồ Văn T và bà Lê Thị D và hoàn trả cho ông T, bà D bản chính: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00350 do UBND quận T cấp ngày 28/11/2012 cho ông Hồ Văn T và bà Lê Thị D; Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất (12/41477Q-29/11/2012) số 4177Q-12/TB ngày 30/11/2012; Thông báo nộp tiền sử dụng đất (12/4177Q-29/11/2012) số 4177Q-12/Tb ngày 30/11/2012.

Ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Lê Thị D và ông Hồ Văn T không trả nợ hoặc trả không đầy đủ số nợ trên thì ngân hàng TMCP S được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là nhà và đất tại số 113 Diệp Minh Châu, phường Tân Sơn Nhì, quận T, TPH theo giấy chứng nhận số CH00350 do UBND quận T cấp ngày 28/11/2012 cho ông Hồ Văn T và bà Lê Thị D để thu hồi nợ. Khi đó, buộc các ông bà sau: Bà Lê Thị D, ông Hồ Văn Minh N, ông Hồ Văn T cùng những người hiện đang ở trong căn nhà 113 D, phường T, quận T, TPH có trách nhiệm giao nhà để cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp trên theo qui định pháp luật.

***2.* Về án phí:** Ông Hồ Văn T và bà Lê Thị D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 111.754.586 đồng.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 54.742.030 đồng cho Ngân hàng TMCP S theo phiếu thu số 0009913 ngày 11/10/2018 của Chi cục Thi Hành án dân sự quận T.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc niêm yết bản sao án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6;7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận T;

- Chi cục THADS quận T;
- Lưu: VP, hồ sơ (Giang).

Huỳnh Thị Trúc Lý